

VỀ VĂN BẢN VÀ TÁC GIẢ TÁC PHẨM VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

THÍCH THANH ĐẠT*

Tóm tắt: Thờ cúng chúng sinh cô hồn là một nét đẹp văn hóa, truyền thống tín ngưỡng Phật giáo và tín ngưỡng dân gian phổ biến trong cộng đồng người Việt Nam, đây là một tập tục thể hiện tính nhân văn và bác ái trong văn hóa Việt Nam, được người Việt Nam gìn giữ và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bài *Văn tế thập loại chúng sinh* lưu truyền ở Việt Nam hiện có nhiều tên gọi khác nhau, hơn nữa về tác giả của bài văn này từng có nhiều ý kiến cho là tương truyền của Nguyễn Du, tuy nhiên còn có một số ý kiến cần trao đổi. Bài viết trên cơ sở khảo sát tư liệu Hán Nôm về những bài văn cúng cô hồn, sẽ góp thêm ý kiến về vấn đề văn bản, tên gọi và tác giả, tác phẩm *Văn tế thập loại chúng sinh*.

Từ khóa: *Văn tế thập loại chúng sinh, Văn chiêu hồn, Chiêu hồn thập loại chúng sinh, Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm*

Abstract: Worshipping lonely souls is a traditional Buddhist beliefs and popular folk beliefs in the Vietnamese community, this custom shows humanity and charity in Vietnamese culture, preserved and passed down from generation to generation by Vietnamese people. The handed down literature work “Van the thap loai chung sinh” has many different names, and Nguyen Du had been popularly known as author, but there are some issue to discuss here. By researching Sino-Nom documents of worshipping lonely souls eulogy, this article contributes additional opinions on the issue of text, name and author of the work “Van the thap loai chung sinh”.

Key words: *Van te thap loai chung sinh, Van chieu hon, Chieu hon thap loai chung sinh, Thinh am hon van dung quoc am*

Mở đầu

Văn tế thập loại chúng sinh (VTTLC) là tên gọi theo cách ghi của *Từ điển Văn học* (Bộ mới)¹ cũng như nhiều tài liệu khác, trên thực tế bài văn này có một số tên gọi khác nhau, như: *Văn chiêu hồn, Chiêu hồn thập loại chúng sinh, Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm*, v.v... Đây là một bài văn tế cô hồn được sử dụng trong các khóa lễ của nhà chùa và trong nhân dân, dùng vào các buổi chiều tối và đặc biệt là được chُر Tăng các chùa làm lễ hàng năm vào ngày rằm tháng bảy. Mục đích cúng là để cho các cô hồn, ngạ quỷ nhờ phép Phật mà được thoát khỏi nơi tam ác đạo², được ăn uống tránh đói khổ và các cực hình nơi âm ty, thanh thoi về cõi Tây phương cực lạc, siêu hóa lên cõi trời thanh tịnh, lạc đạo.

1. Lịch sử nghiên cứu và giới thiệu *Văn tế thập loại chúng sinh*

VTTLC, từ trước nay đã được các nhà nghiên cứu giới thiệu trên nhiều phương diện, như thể loại văn tế, giá trị nội dung tác phẩm, công bố toàn văn tác phẩm và bàn luận về tác giả của tác phẩm này bằng chữ Quốc ngữ. Chúng tôi mô tả tổng quan như sau:

- Trước hết, phải kể đến tác phẩm *Truyện cụ Nguyễn Du* của Lê Thước, Nhà in Mạc Đĩnh Chi, Hà Nội, 1924. Trong tác phẩm, Lê Thước đề cập đến VTTLC với tiêu đề *Văn chiêu hồn* và viết: Văn bản tác phẩm đầu tiên phát hiện ở chùa Diệc, điều

* ThS., Nguyễn Văn Tĩnh, chùa Nguyên Ngoại, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

đó cũng nói lên rằng, sáng tác *Văn chiêu hồn*, trước hết Nguyễn Du nhằm vào đó cũng nói lên rằng, sáng tác *Văn chiêu hồn*, trước hết Nguyễn Du nhằm vào mục đích cúng tế. *Truyện cụ Nguyễn Du* có đăng toàn văn bài *Văn chiêu hồn*³.

- Năm 1965, Đàm Quang Thiện đã hiệu chú và xuất bản tác phẩm này với tiêu đề *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Sài Gòn, Nam Chi tùng thư xuất bản. Tác phẩm có bài đề *Tựa* của Thượng tọa Thích Tâm Châu, bài giới thiệu tác phẩm về giá trị nội dung và nghệ thuật, đăng toàn văn *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du⁴.

- Năm 1965, Xuân Diệu có bài “Đọc *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du”, *Tạp chí Văn học*, số 11, đã bình luận và giảng giải về giá trị tác phẩm *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du⁵.

- Hoàng Xuân Hãn (1977) có bài “Lễ vu lan với văn tế cô hồn”, *Tạp chí Văn học*, số 2. Tác giả cho biết: “Ngày xưa ở các làng, trên khu đất làm bãi tha ma để chôn cất những người quá cố, thường có lập một chiếc am nhỏ để thờ chung những người chết vô thừa nhận. Hàng năm vào ba tháng hè, cứ ngày mùng 1 và ngày rằm, người ta nấu cháo đồ vào chiếc lá đa cuộn tròn, cắm dọc đường để cúng, gọi là cúng bách tính. Nhiều nơi vào ngày rằm tháng 7 âm lịch, cũng có tục cúng cô hồn. Bài *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du sáng tác để cúng vào dịp này”⁶.

- Năm 1978, Vũ Văn Kính có bài “Mấy ý kiến về việc hiệu đính *Văn tế thập loại chúng sinh*”, *Tạp chí Văn học*, số 4. Bài viết của tác giả Vũ Văn Kính chủ yếu góp ý về công tác hiệu đính bài *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du⁷.

- Năm 1978, bài *Văn tế thập loại chúng sinh* in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Nửa đầu thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX*, NXB. Văn học, Hà Nội. Bài VTTLCS được in trong phần tác phẩm Nguyễn Du⁸.

- *Văn học Việt Nam* (Nửa cuối thế kỷ XVIII - Hết thế kỷ XIX), do Nguyễn Lộc biên soạn, NXB. Giáo dục, 2001 (tái bản lần thứ 4), tại *Chương tám* Nguyễn Du (1766 - 1820), *Mục IV* có tiêu đề “*Văn chiêu hồn*, một bản tổng kết” (tr.467), đã nghiên cứu một cách toàn diện *Văn chiêu hồn*. Trước hết tác giả cho *Văn chiêu hồn* là của đại thi hào Nguyễn Du và viết: “Nhà thơ viết bài văn - thực tế là một bài thơ trữ tình - nhằm mục đích gọi hồn cho những người đã khuất, nhờ phép Phật “Siêu linh tịnh độ”, giúp họ thoát khỏi kiếp bơ vơ lạc lõng của các cô hồn để lên cõi thiên đường...⁹. Như vậy, *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du là một tác phẩm văn tế. Trong văn học phong kiến ở nước ta, văn tế thường viết bằng thể phú... *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du không viết theo thể phú, cũng không viết theo thể tài của Lê Thánh Tông (*Thập giới cô hồn Quốc ngữ văn*) mà viết bằng thể thơ song thất lục bát”. Về nội dung của tác phẩm, tác giả Nguyễn Lộc phân tích theo hai nội dung: phần nội dung có tính chất phi tôn giáo là phần nói về những con người lúc đang sống và phần nội dung có tính chất tôn giáo là nói về những con người sau khi chết, nói về những cô hồn¹⁰.

- *Từ điển Văn học* (bộ mới), NXB. Thế giới, 2004; tại mục *Văn tế thập loại chúng sinh* viết: “Tác phẩm của nhà thơ Nguyễn Du... Hình thức mang tính chất tôn giáo trong văn học Việt Nam, đề cập đến xã hội hồn ma một cách thông cảm nhất. Đó là hình ảnh lộn trái của xã hội trần thế, song có khác biệt căn bản ở chỗ không có đối lập giàu nghèo, sang hèn... Tác phẩm không sử dụng hình thức văn tế biến ngẫu thường thấy, cũng không viết bằng văn xuôi như *Thập giới cô hồn Quốc ngữ văn* của Lê Thánh Tông, mà chọn thể loại song thất lục bát văn điệu linh hoạt, truyền cảm,

có tác dụng khơi dậy lòng trắc ẩn từ phía người đọc người nghe”¹¹.

- Phạm Tuấn trong bài “Nguyễn Du và Văn tế thập loại chúng sinh trong tương quan văn hóa Phật giáo”, *Tạp chí Hán Nôm*, (số 2), 2006 đã đi sâu nghiên cứu lịch sử cúng cô hồn ở Việt Nam, tác giả viết: “Chúng tôi chưa có điều kiện khảo cứu kỹ về khoa cúng thí thực ở Việt Nam, nhưng theo *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang thì từ thời Trần đã có nghi thức cúng cô hồn, cho biết Huyền Quang đã từng đăng đàn chẩn tế. Đồng thời trong các chùa Việt lưu truyền sách *Bảo Đỉnh hành trì* tập hợp khoa nghi bí mật nội truyền do Huyền Quang tổ sư soạn thảo cũng phần nào nói lên việc thịnh hành nghi thức Phật giáo. Hơn thế, các bộ sách sử như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... đều ghi chép đời Trần nước ta đã xin vua Tống *Đại tạng kinh*. Điều này phần nào nói lên *Nghi quỹ thí thực* tồn tại ở nước ta từ rất sớm”¹². Tác giả Phạm Tuấn đã dẫn ý kiến của Lê Thước và Hoàng Xuân Hãn cho rằng *Văn tế thập loại chúng sinh* là của Nguyễn Du, nhưng sau khi đối chiếu, nghiên cứu, tác giả viết: “... không loại trừ khả năng tác giả bài *Văn tế thập loại chúng sinh* không phải là Nguyễn Du. Tuy nhiên... có đồng cảm hơn với các học giả đi trước...”¹³.

- *Nguyễn Du toàn tập* (Tập 1) do Mai Quốc Liên và Nguyễn Minh Hoàng biên khảo, NXB. Văn học, 2015, tác phẩm văn cúng cô hồn của Nguyễn Du có tiêu đề là *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*. Viết về quá trình truyền bản của tác phẩm, nhóm biên khảo viết: “Nguyên tác, thủ bút của Nguyễn Du nay không còn. Bản *Chính Đại* hay *Chùa Diệc*¹⁴ dù sao cũng chỉ là bản sao, đã qua tay san nhuận sửa chữa. Từ Nguyễn Du đến bản sao đầu tiên, nay gần một thế kỷ; từ các bản sao này đến nay non một thế kỷ, bài văn đã được nhiều người tham gia hiệu đính. Việc khôi phục

đúng “bản lai diện mục” của nguyên tác là việc khó. Chữ là chữ của Nguyễn Du, “nhất tự thiên kim” - chữ của người đã viết *Truyện Kiều*, “Khúc Nam âm tuyệt xướng”, và nói như Xuân Diệu có thể làm “gãy lưng” các nhà khảo cứu, bình luận... Về nhan đề bài thơ, chúng tôi ghi *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* theo như bản Đàm Quang Thiện, lấy từ các nhan đề *Văn chiêu hồn* và *Văn tế thập loại chúng sinh*”¹⁵. Sau đó là giới thiệu toàn văn Quốc ngữ *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*¹⁶. Trong các bản công bố bằng Quốc ngữ của người đi trước, chưa có bản nào in kèm chữ Nôm tương truyền là của Nguyễn Du.

2. Văn tế cúng chúng sinh cô hồn chép trong các tác phẩm Hán văn

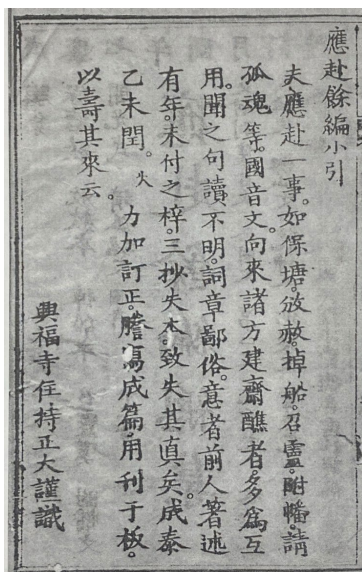
Qua điều tra khảo sát, chúng tôi thấy, hiện kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm có 2 tác phẩm chép văn tế liên quan đến cúng chúng sinh cô hồn, cụ thể như sau:

1/ *Ứng phó dư biên tổng tập* 應赴餘編總集, có 2 bản in và in từ một bộ ván¹⁷. Bản ký hiệu AB.568 gồm 126 trang và bản ký hiệu AB.21 gồm 74 trang (thiếu 1 số trang phần cuối sách, cụ thể từ *Thiên tiên thánh mẫu công đồng văn* 天仙聖母公同文, dòng niên đại và tàng bản sách (tr.11a) cho đến hết sách.

Nội dung bài VTTLCS chép trong bản AB.568 với tiêu đề *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* 請陰魂文用國音 (tr.21a-22b) và *Hựu quốc âm văn* 又國音文 (tr.23a-27b). Tác giả ghi *Hựu quốc văn* vì trước đó có bài *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm*, nên có thể hiểu tiêu đề chính của bài này hiểu là *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm*. Qua đối chiếu so sánh thì nội dung bài VTTLCS gần giống với bài *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* (tr.23a-27b).

Ngoài ra, trong bản AB.568 có một số thông tin đáng lưu ý, như: 1. Ghi: “Tháng nhuận năm Thành Thái thứ 7 (1895) đính

san/成泰七年閏月訂刊” (tr.đầu a). 2. Bài *Tổng tập* 總集 (tr. đầu b), ghi “Tàng bản tại chùa Hưng Phúc xã Xuân Lôi, tổng Bất Phí, huyện Võ Giàng, Bắc Ninh/北寧武江縣不費總春雷社興福寺藏板” (tr.đầu b) và bài *Ứng phó dư biên tiểu dẫn* 應赴餘編小引 (tr.đầu b) ghi: “Ôi! Việc ứng phó các việc như Bảo đường, Ban xá, chèo thuyền, triệu linh, phụ phan, thỉnh cô hồn bằng quốc âm từ trước tới nay mọi nơi lập trai tiểu phần nhiều dùng đến, nhưng nghe cú điệu không rõ, văn chương thì thô bỉ. Ý là do người viết ra đã lâu chưa cho khắc in, lại bị tam sao thất bản đến nỗi mất đi chân thực. Vào tháng nhuận năm Ất Mùi niên hiệu Thành Thái (1895) Chính Đại tôi gia sức đính chính viết lại đăng tả biên thành thiên lại cho khắc thành ván để truyền lại về sau lâu dài. Chính Đại Trụ trì chùa Hưng Phúc kính cẩn viết dẫn/夫應赴一事如保塘，頒赦，掉船，召靈，附幡，請孤魂等國音文，向來諸方建齋醮者，多為互用，聞之句讀不明，詞章鄙俗。意者前人著述有年未付之梓，三抄失本，致失其真矣。成泰乙未閏大力加訂正，謄寫成篇，用刊于板以壽其來云。興福寺住持正大謹識” (Xem hình 1).



Hình 1, *Ứng phó dư biên tiểu dẫn*, AB.568

2/ *Cúng văn tạp lục* 供文雜錄, có 4 bản viết tay¹⁸: Bản ký hiệu A.1948/1-2 gồm 438 trang; bản A.3066/1-8 gồm 534 trang; bản A.3087 gồm 206 trang và bản A.3124 gồm 92 trang. Sau khi khảo sát các bản, chúng tôi thấy chỉ có bản A.1948/1 (tập 1) chép tác phẩm có nội dung gần giống với VTTLCS. Sách chép tay bút lông mực Tàu, chia 6 hàng, hàng dài nhất 12 chữ. Ở tâm sách phần nội dung thứ hai có ghi một người tự là Pháp Trung san bản. Nội dung gồm các khoa cúng, trong đó có chép bài *Thí thực khoa* 施食科 (tr.1a-tr.24b) và *Chiêu hồn văn* 招魂文 (dòng chữ này được viết bút sắt sau này) từ tr.1a-tr.16b, có nội dung gần giống với bài VTTLCS.

3. Giám định các văn bản Hán Nôm

Sau khi mô tả các văn bản nội dung có nội dung ghi gần giống với VTTLCS, chúng tôi tiến hành giám định các văn bản, bước đầu đưa ra một số kết luận sau:

3.1. Sự giống nhau và khác nhau giữa các bản

- *Ứng phó dư biên tổng tập*, bản AB.568 có chép bài văn với tiêu đề *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* (tr.21a-27b). Theo khảo sát, chúng tôi thấy *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* trong *Ứng phó dư biên tổng tập* 應赴餘編總集 (AB.568), về cơ bản khá giống bài *Văn tế thập loại chúng sinh* tương truyền là của Nguyễn Du. Theo bài tiểu dẫn trong *Ứng phó dư biên tổng tập* với tiêu đề *Ứng phó dư biên tiểu dẫn* 應赴餘編小引 có ghi thì đây là tác phẩm do Thiền sư Chính Đại, trụ trì tại chùa Hưng Phúc xã Xuân Lôi, tổng Bất Phí, huyện Võ Giàng, Bắc Ninh đã biên tập, hiệu đính và cho khắc in vào tháng nhuận năm Thành Thái thứ 7 (1895). *Tiểu dẫn* ghi: “... thỉnh cô hồn bằng quốc âm từ trước tới nay mọi nơi lập trai tiểu phần nhiều dùng đến, nhưng nghe cú điệu không rõ, văn

chương thì thô bỉ. Ý là do người viết ra đã lâu chưa cho khắc in, lại bị tam sao thất bản đến nỗi mất đi chân thực. Vào tháng nhuận năm Ất Mùi niên hiệu Thành Thái (1895) Chính Đại tôi gia sức đính chính viết lại đăng tả biên thành thiên lại cho khắc thành ván để truyền lại về sau lâu dài. Chính Đại trụ trì chùa Hưng Phúc kính cẩn viết dẫn” (đã dẫn như trên). Như vậy là, “thỉnh cô hồn bằng quốc âm” chính là bài *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* (tr.21a-27b), do Thiền sư Chính Đại đã đính chính biên tập và cho khắc ván để truyền lại lâu dài về sau.

- *Cúng văn tạp lục* 供文雜錄, bản A.1948/1-2, trong A.1948/1 (tập 1) có chép *Chiêu hồn văn* 招魂文 (chữ viết bút sắt) từ tr.1a-tr.16b. Sau khi khảo cứu, chúng tôi thấy bài *Chiêu hồn văn* 招魂文 (tr.1a-tr.16b), nội dung bài văn về cơ bản giống *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* (tr.21a-27b), trong bản *Ứng phó dư biên tổng tập* bản AB. AB.568; nhưng *Chiêu hồn văn* 招魂文 (tr.1a-tr.16b) của *Cúng văn tạp lục* bản A.1948/1 (tập 1), tiêu đề chữ Nôm viết bằng bút sắt và là sách chép tay. Theo chúng tôi, *Chiêu hồn văn* 招魂文 (tr.1a-tr.16b), chép trong bản ký hiệu A.1948/1 tuy nội dung khá giống với VTTLCS và *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* nhưng chỉ dùng để tham khảo.

3.2. Vấn đề tên tác phẩm

Vấn đề tên gọi tác phẩm này có nhiều cách gọi khác nhau, chúng tôi xin trình bày như sau:

* Trước hết chúng tôi xin trình bày, cách gọi tên tác phẩm của các thế hệ nghiên cứu đầu thế kỷ XX, khi nghiên cứu về tác phẩm này bằng chữ Quốc ngữ.

- Những công trình nghiên cứu gọi là *Văn chiêu hồn*, chúng ta phải kể đến, như Lê Thuộc (1924), trong *Truyện cụ Nguyễn Du*; Hoàng Xuân Hãn (1977), trong “Lễ vu

lan với văn tế cô hồn”, *Tạp chí Văn học*, (số 2); Xuân Diệu (1965) “*Độc Văn chiêu hồn của Nguyễn Du*”, *Tạp chí Văn học*, (số 11); Nguyễn Lộc (2001), *Văn học Việt Nam* (Nửa cuối thế kỷ XVIII - Hết thế kỷ XIX), NXB. Giáo dục, Hà Nội.

- Những công trình nghiên cứu gọi là *Văn tế thập loại chúng sinh*, có các nghiên cứu ghi: Vũ Văn Kính (1978), trong bài “*Mấy ý kiến về việc hiệu đính Văn tế thập loại chúng sinh*”, *Tạp chí Văn học*, (số 4); *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Nửa đầu thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX* (1978), Nxb. Văn học, Hà Nội; *Từ điển Văn học* (bộ mới), NXB. Thế giới, 2004; Phạm Tuấn (2006), bài “*Nguyễn Du và Văn tế thập loại chúng sinh* trong tương quan văn hóa Phật giáo”, *Tạp chí Hán Nôm*, (số 2).

- Cách gọi *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Đàm Quang Thiện (1965) *Nam Chi Tùng thư* xuất bản, Sài gòn và *Nguyễn Du toàn tập* (Tập 1) do Mai Quốc Liên và Nguyễn Minh Hoàng biên khảo (2015), NXB. Văn học.

Như vậy, hiện nay chúng tôi mới thống kê được 3 cách gọi là *Văn chiêu hồn*, *Văn tế thập loại chúng sinh* và *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* của các nhà nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX đến nay.

* Cách ghi tên tác phẩm trong các văn bản Hán Nôm, cũng có nhiều cách ghi khác nhau, cụ thể như sau:

- Ghi *Chiêu hồn văn* 招魂文 (tr.1a-tr.16b) trong *Cúng văn tạp lục* 供文雜錄 bản A. 1948/1-2, tại A.1948/1 (tập 1), nhưng dòng tiêu đề này chữ viết bút sắt, do người đời sau ghi thêm vào.

- Ghi “*Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* 請陰魂文用國音 (tr.21a-22b) và *Hựu quốc âm văn* (tr.23a-27b), như đã lập luận ở trên trong *Ứng phó dư biên tổng tập* 應赴餘編總集, ký hiệu AB.568. Sách có ghi

niên đại: “Tháng nhuận năm Thành Thái thứ 7 (1895)” và xuất xứ “Tàng bản tại chùa Hưng Phúc xã Xuân Lôi, tổng Bất Phí, huyện Võ Giàng, Bắc Ninh” do Thiền sư Chính Đại biên tập, hiệu chỉnh.

Như vậy, hiện nay chúng tôi mới thống kê được 2 cách ghi trong các văn bản Hán Nôm. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất tên gọi tác phẩm có thể gọi chung là *Thỉnh âm hồn văn*, với các lý do sau đây:

Thứ nhất: Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm trong Ứng phó dư biên tổng tập

應赴餘編總集 ghi do Thiền sư Chính Đại biên tập, có nội dung gần giống với VTTLCS hiện đang lưu truyền, hay như Mai Quốc Liên và Nguyễn Minh Hoàng gọi là *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*. Sự khác nhau giữa 2 bản tập trung vào độ dài văn bản và từ ngữ. Sau đây chúng tôi lập bảng thống kê so sánh một vài ví dụ giữa bản của Thiền sư Chính Đại và bản *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* do Mai Quốc Liên và Nguyễn Minh Hoàng giới thiệu (2015), coi là của Nguyễn Du như sau:

Bản Thiền sư Chính Đại biên tập	Bản coi là của Nguyễn Du
- Dài 210 câu. - Từ câu 9 - đến câu 20, từ câu 147- đến câu 150, từ câu 197 - đến câu 210,	- Dài 184 câu. - Ở bản Nguyễn Du không có.
Ví dụ câu: “Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt, Gió heo may lạnh lọt xương khô. Nào nùng thay mấy chiều thu, Ngàn lau điểm trắng, lá ngô rụng vàng”. Hay câu: Mỗi người một nghiệp khác nhau, Hồn <i>phiêu</i> phách lạc biết đâu bây giờ. Hoặc là <i>ăn ven bờ cạnh lối</i> , Hoặc là <i>nuơng đầu núi bên sông</i> . Hoặc là <i>mông quanh đồng không</i> , Hoặc <i>nay viên tái thủ cùng diêm lư</i> . Hoặc là <i>tựa thân từ Phật tự</i> , Hoặc là <i>nuơng ngọn cỏ bóng cây</i> . Hoặc câu: “ <i>Đã đến đây</i> dưới trên ngôi lại, <i>Chúng lòng thành</i> chớ ngại bao nhiêu. Phép thiêng biến ít thành nhiều, <i>Nhờ thấy</i> Tôn Giả chia đều phân minh”.	“Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt, <i>Toát hơi</i> may lạnh <i>buốt</i> xương khô. <i>Nào người</i> thay <i>buổi</i> chiều thu, Ngàn lau <i>nhuốn bạc</i> , lá <i>khô</i> rụng vàng”. (Câu 1 - 4) Mỗi người một nghiệp khác nhau, Hồn <i>xiêu</i> phách lạc biết đâu bây giờ. Hoặc là <i>ăn ngang bờ dọc bụi</i> , Hoặc là <i>nuơng ngọn suối chân mây</i> . Hoặc là <i>bụi cỏ bóng cây</i> , Hoặc là <i>quán nợ cầu này bơ vơ</i> . Hoặc là <i>nuơng thân từ Phật tự</i> , Hoặc là <i>nhờ đầu chợ cuối sông</i> . (Câu 139 - 146) “ <i>Ai tới đó</i> dưới trên ngôi lại. <i>Của làm duyên</i> chớ ngại bao nhiêu, Phép thiêng biến ít thành nhiều, <i>Trên nhờ</i> Tôn giả chia đều chúng sinh”. (Câu 177 - 180)

Thứ hai: bài VTTLCS tương truyền là của Nguyễn Du hiện chỉ lưu hành bản Quốc ngữ. Lê Thước là người đầu tiên đề cập đến *Văn tế thập loại chúng sinh* với tiêu đề *Văn chiêu hồn* phát hiện ở chùa Diệc và chỉ là bản phiên âm Quốc ngữ. Thời điểm hiện nay (2023), chúng tôi chưa tra tìm được bài *Văn tế thập loại chúng*

sinh (Văn chiêu hồn), hay *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*) ghi là của Nguyễn Du chép trong thư tịch Hán Nôm. Biết đâu có thể có mà chúng tôi chưa tra tìm được, hiện mới tìm thấy bản chữ Nôm *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* ghi do Thiền sư Chính Đại biên tập

4. Tác giả tác phẩm

4.1. Vấn đề tương truyền của Nguyễn Du

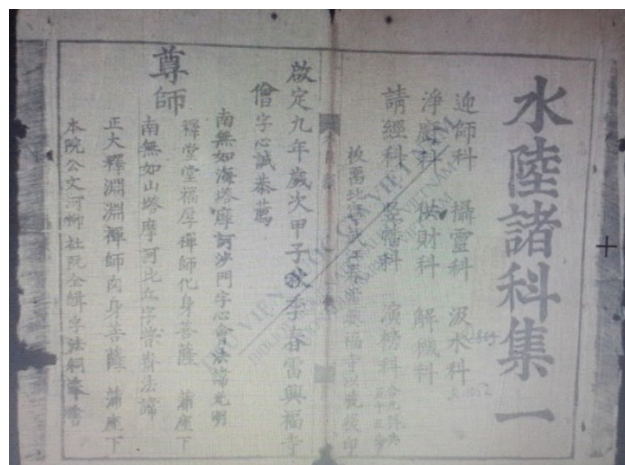
Về tác giả của VTTLCS, phần nhiều ý kiến ghi tương truyền của Nguyễn Du (1766 - 1820), với các tiêu đề: VTTLCS, *Văn chiêu hồn*, *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*, đều do các nhà nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX đến nay ghi bằng chữ Quốc ngữ.

Chúng tôi cho rằng, khó có thể xảy ra chuyện Thiền sư Chính Đại sửa bản của Nguyễn Du mà không đề tên Nguyễn Du. Vì khi đó với tác phẩm *Đoạn trường tân thanh* (Kim Vân Kiều tân truyện hay *Truyện Kiều*) thì danh tiếng Nguyễn Du vang lừng cả nước. Theo như Mai Quốc Liên thì “Chữ là chữ của Nguyễn Du, “nhất tự thiên kim”, chữ của người đã viết *Truyện Kiều*, “khúc Nam âm tuyệt xướng”, và nói như Xuân Diệu, có thể là “gãy lưng” các nhà khảo cứu, bình luận”¹⁹. Như vậy thì Thiền sư Chính Đại sao dám lấy bản của Nguyễn Du để đính chính, biên tập năm Thành Thái thứ 7 (1895) và đề tên mình, mà không nói gì đến Nguyễn Du. Còn nếu Thiền sư Chính Đại mà lấy bản của Nguyễn Du để biên tập, thì chắc Chính Đại phải ghi tên Nguyễn Du, hơn nữa đề là sửa bản của Nguyễn Du thì chỉ có sang trọng cho Thiền sư Chính Đại mà thôi. Từ đó suy ra rằng, có thể Thiền sư Chính Đại đã đính chính, biên tập trên một văn bản cúng cô

hồn từng được lưu truyền trong nhân dân. Đây là hiện tượng từng diễn ra đối với các tác phẩm *Cúng văn*, như Đề nhị tổ Pháp Loa định bản *Chư phẩm kinh*, Đề tam tổ Huyền Quang định bản *Bảo đỉnh hành trì bí chỉ toàn chương*, v.v...

4.2. Thiền sư Chính Đại

Tư liệu về Thiền sư Chính Đại hiện rất sơ sài, duy có sách *Thủy lục chư khoa* 水陸諸科, bản R.1052, Thư viện Quốc gia Việt Nam, trang đầu có ghi: “Bản lưu tại chùa Hưng Phúc, Xuân Lôi, Võ Giàng, Bắc Ninh để sau in ấn. Năm Giáp Tý niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924) tăng Tâm Thành chùa Hưng Phúc, Xuân Lôi cung tiến: Nam mô Như Hải tháp Ma ha sa môn Tâm Hội pháp hỷ Quang Minh Thích Đường Đường Phúc Hậu thiền sư hóa thân Bồ tát bồ tòa hạ. Nam mô Như Sơn tháp, ma ha Tỷ khưu tự Phổ Tế, pháp hỷ Chính Đại Thích Uyên Uyên Thiền sư nhục thân Bồ tát bồ tòa hạ 板留北寧武江春雷興福寺以曉後印。啟定九年歲次甲子秋季春雷興福寺僧字心誠恭薦：南無如海塔摩訶沙門心會法諱光明釋堂堂福厚禪師化身菩薩蒲座下。南無如山塔摩訶比丘字普濟法諱正大釋淵淵禪師肉身菩薩蒲座下” (Xem hình 2).



Hình 2: *Thủy Lục chư khoa*, R.1052 (tr.1)

Dựa vào bài tựa trong sách *Thủy Lục chư khoa* ở Thư viện Quốc gia Việt Nam, bản R.1052, chúng ta biết được vào năm Khải Định thứ 9 (1924) sách in để truy tiền tới 2 vị tổ chùa Xuân Lôi là tổ Tâm Hội và tổ Phổ Tế. Tỳ khiêu Phổ Tế pháp hựu Chính Đại Thích Uyên Uyên thiền sư nhục thân Bồ tát, tác giả mà chúng ta đang cần tìm. Năm 1924 thiền sư mất, được đệ tử

Tâm Thành in sách truy tiền. Theo *Thủy Lục chư khoa*, được biết sau khi Thiền sư Chính Đại mất có tên tháp là Nam mô Như Sơn tháp ma ha tỷ khiêu tự Phổ Tế pháp hựu Chính Đại Thích Uyên Uyên thiền sư nhục thân bồ tát. Qua một đoạn ngắn trên đầu sách giúp chúng ta xác định được tháp hiệu và tên pháp hựu (Xem hình 3).



Hình 3: Tháp Thiền sư Chính Đại tại Chùa Hưng Phúc xã Xuân Lôi.
(Ảnh do Thiền sư Thích Đồng Dưỡng cung cấp)

5. Giới thiệu bản *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* do Thiền sư Chính Đại biên tập

Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm 請魂文用國音 (tr.21a-tr.27b), do Thiền sư Chính Đại biên tập và đưa in năm Thành Thái thứ 7 (1895). Chúng tôi xin giới thiệu toàn văn như sau:

“*Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm*

Xuân Lôi tự tân san.

Từng mắng rằng, thiện ác bởi lòng, phật ma khác giá, tử sinh hữu mệnh, sống chẳng hay nhẫn nhục từ bi, nhân quả tùy nhân, thác cho phải luân hồi vất vả, trên đã dâng tam bảo thánh thần, dưới lại thỉnh mười loài cô quả, thí chủ nay lễ bạc lòng thành, trăm hình giám quang lâm đàn hạ,

cảm ơn đại sĩ hiện thân, nhờ đức A Nan khai hóa, thuyền Bát nhã là thuyền chở phúc, ai hữu duyên tấn tốc yêu nghinh, cửa từ bi là cửa độ sinh, bậc thượng thiện tinh linh thân chảnh, kia như ngọc diệp kim chi, công khanh tướng tá, mở mang bờ cõi, lập qui mô dụng vũ dụng văn, gìn giữ thảo ngay, bề trung nghĩa ghi lòng ghi dạ, gặp bởi tang thương biến hóa, những đắng cay cảm cảnh ngâm ngùi, tưởng [43] khi xã tắc đổi dời, càng thảm thiết thương thay buồn bã, noi thì tướng sĩ đảm đương, lược thao đơn đả, dẹp nam đánh bắc, thừa sa cơ bại trận càng thương, vực nước yên nhà, khi già nghĩa liệu mình xông phá, thoát thấy cớ sai cấm trở, mây sào tuôn đòi đoạn mơ màng, vắng nghe trống giục chiêng hồi, nước mắt giỏ hai hàng dòng đã. Giang sơn kia biết mấy

anh hùng, phong thổ nội thực nhiều tài lạ, cảm thay hổ giảo sà thương, tên rơi đạn xạ, ngậm ngùi không kể tể đơm, chua xót ai nhận mồ mả, trong noi ngoại nội, biết bao nhiêu dầu dãi tuyết sương, dưới bể trên ngàn, kẻ sao xiết bọn bề chim cá, ấy ai khiến trai lành gái tốt, nghĩa vợ chồng bỗng phút xa quê, ấy ai thứ kẻ bắc người nam, đạo phụ tử đôi đường phân ngã, thương thay tai dịch lao đao, miếng ăn mảnh mặc, nào [44] ai đem cơm sẻ áo nhường, gói đất nằm sương, nào ai cứu phù thiêng thuốc đã, sa cơ phải nương mình chốn hắc, giá sương lạnh lẽo thuở đông trường, nhớ đường nào biết gửi thân đâu, thời khí nặng nề như khói tỏa, vắng trông trùng chim nhận lạc đàn, buồn thấy nổi cảnh ngô rụng lá, lại thương kẻ mặc lao tù, người mang thai đọa, một mình than thở, khi lâm hình ít kẻ viếng thăm, nhiều nỗi oan gia khi phân vân không người khan quá, ngậm ngùi thay trước chẳng khéo tu, ngao ngán nhẽ sau nên vụng hóa, thương thay khách đạo giang hồ, người bôn thủy bộ, thuyền đầy sóng cả, vậy cho nên mặt nước lênh đênh, của trọng thân khinh, vậy cho phải quê người hoãn nã, lỗi mùa sinh lặn đặn phong sương, xui đến nỗi phải chờ giang đường xá, hồi ôi ca xướng mọi loài, ngao du mấy gã, đường hòe dặm liễu mới [45] vui nào nhớ sự cửa nhà, học đạo tìm thầy, chưa ngộ đã say miền sơn dã, bằng ai còn trở chốn âm cung, hay là đã lên đường vân giá, rày nhân thiết lập trai duyên, phổ trưng tài mã, hàn lâm khoáng dã, thạch trư linh nào quản lấy già, âm giới dương gian, thỉnh cả thầy nào nề quen lạ, bơ vơ góc bể bên trời, phảng phất đầu thành cuối chợ, khuyến mười loài trệ phách u hồn, cập nhất thiết phi đồ ác bộ, nay thì gái ở bên hữu, trai ở bên tả, cháo cơm dầu có ít nhiều, ăn uống đều cùng thông thả, tụng chân ngôn ít biến nên nhiều, niệm bí chú không mà có cả,

chẳng được cây lớn mà tranh bé, ấy hãy còn tham chưa được thỏa, đã qui y cải dữ về lành, nên hỷ xả tu nhân chứng quả, trước đã nhờ giải thoát oan khiên sau tiếp dẫn lên thuyền bát nhã. Tìm [46] về nơi cõi tịnh nghỉ ngơi, lưu đức trạch, trừ tai ngự họa. Hoàn.

Hựu Quốc âm văn (Quốc âm văn)

(Từ tiết tháng bảy chí hướng là cõi âm thất nguyệt dụng, tự niệm hương thỉnh chí đồ mà thương tâm thông dụng)

1. Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,

Gió heo may lạnh lọt xương khô.

Não nùng thay mấy chiều thu,

Ngàn lau điểm trắng lá ngô rụng vàng.

5. Đường bạch dương bóng chiều man mác,

Ngọn đường lê lác đác mưa sa.

Lòng nào lòng chẳng thiết tha,

Cõi dương còn thế hướng là cõi âm.

Niệm hương thỉnh cô hồn chư vị.

10. Diệu gia trì pháp khí tam thông,

Tắc thành kính đãi đàn trung.

Khắp mời nam bắc tây đông tinh hồn.

Kiểm thượng hạ càn khôn cần tởn,

Trẻ cùng già trai gái biết bao.

15. Than rằng đất rộng trời cao,

Sao dòi vật đổi biết bao nhiêu lần.

Dãi dầu mấy mưa xuân nắng hạ,

Sớm khuya cùng [47] trăng gió cỏ hoa.

Cũng là đồng loại người ta,

20. Sa cơ nên phải nghĩ mà thương tâm.

Trong trường dạ tối tăm trời đất,

Sáng linh hồn phảng phất u minh.

Thương thay thập loại chúng sinh,

Hồn đơn phách lẻ lênh đênh quê người.

25. Hương khói đã không nơi nương tựa,

Hồn mờ cõi lữ lỡ đêm đen,

Còn chi ai khá ai hèn,

Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.
 Tiết sơ thu (tùy cải) dựng đàn siêu độ.
30. Nước cam lồ mật chú gia trì,
 Muôn nhờ Phật đức từ bi,
 Giải oan cứu khổ dắt về Tây phương.
 Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,
 Chí những lăm cất gánh non sông,
35. Góm thay đương buổi tranh hùng.
 Nào ngờ thể khuất vận cùng mà đau.
 Bỗng phút đâu tro bay khói tỏa,
 Khôn đem mình làm đũa thất phu,
 Cả giàu sang nặng oán thù,
40. Máu tươi lai láng xương khô rã rời.
 Đoàn [48] vô tự lạc loài eo óc,
 Quỷ không đầu lẩn lóc tri tru.
 Nào hay thành bại là cơ,
 Mà cô hồn biết bao giờ cho tan.
45. Nào những ả²⁰ màn lan trướng huệ,
 Những cây mình cung quế Thường Nga,
 Gặp phen thay đổi sơn hà,
 Thân như mảnh lá biết là làm sao.
 Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
50. Phận đã đành trâm gãy bình rơi,
 Khi sao đông đúc vui cười,
 Mà khi nhắm mắt không người nhặt
 xương.
 Đau đớn nhẽ không hương không khói,
 Hồn ngẩn ngơ bãi ngái rừng sim.
55. Thương thay chân yếu tay mềm,
 Càng nằm càng héo càng đêm càng dài.
 Nào những đáng mũ đai áo rộng²¹,
 Ngọn bút phê thác sống trên tay.
 Kinh luân xếp một túi đầy,
60. Đã đem Quán Cát lại ngày Y Chu²².
 Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
 Trăm loài ma xăm nắm chung quanh.
 Nghìn vàng khôn chuộc được mình,
 Lầu ca viện xướng tan tành còn đâu. [49]

65. Kẻ thân thích trước sau vắng vẻ,
 Biết lấy ai đơm tể lửa hương,
 Cô hồn phát phảng tha phương,
 Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.
 Nào những đáng bài binh bố trận²³,
70. Vâng lệnh sai lĩnh ân nguyên nhung,
 Gió mưa sấm sét đùng đùng,
 Phơi thầy muôn họ làm công một người.
 Khi thất thế tên rơi đạn lạc,
 Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
75. Bơ vơ góc bể bên trời,
 Nắm xương vô chủ biết rơi chốn nào.
 Trời u uất mưa kêu gió thét,
 Khí âm ngưng mờ mịt trước sau.
 Trăm năm sương tuyết dài dài,
80. Nào đâu điều tế, nào đâu chung
 thường.
 Cũng có kẻ tìm đường trí phú²⁴,
 Làm tội mình nhịn ngũ bót ăn.
 Ruột rà không kẻ chí thân,
 Dầu làm nên nữa để phần cho ai.
85. Khi nằm xuống không người gấn bó,
 Cửa phù vân dầu có như không,
 Tuy rằng tiền chảy bạc dòng,
 Khi đi mang được một đồng nào đi.
 Khóc [50] ma muốn thương gì hàng xóm,
90. Hòm gỗ đa bó đóm đưa đêm.
 Thân thơ lồi dọc đồng chiêm,
 Xuân thu hưởng tự biết tìm vào đâu.
 Cũng có kẻ ráp cầu chữ quý²⁵,
 Dấn mình vào thành thị phồn hoa.
95. Mấy thu lia cửa lia nhà,
 Văn chương đã chắc đầu mà trí thân.
 Chốn hàng quán tể tuần mưa nắng,
 Vợ con nào nuôi nặng kiêng khem.
 Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng,
100. Bạn bè thiên hạ láng giềng người
 đứng.

Bóng tang tử xa chừng hương khúc,
 Bãi sa ma kẻ dọc người ngang.
 Cô hồn nhờ gửi tha hương,
 Dưới trăng héo hắt nén hương lạnh lòng.
105. Cũng có kẻ qua sông vượt bể²⁶,
 Cánh buồm giây phút hý gió đông.
 Gặp cơn giông tố giữa dòng,
 Tắm thân mai một vào lòng kinh nghệ.
 Cũng có kẻ chằm nghề buôn bán,
110. Đòn gánh tre chín dạn trên vai.
 Gặp cơn nắng hắt mưa rơi,
 Nào ngờ lũ thứ xa chơi suối vàng. [51]
 Có kẻ đến lệ làng góp lính²⁷,
 Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan.
115. Nước bầu com nắm gian nan,
 Dãi dầu muôn dặm lấm than một đời.
 Khi lâm trận thân người như rác,
 Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
 Lập lòe ngọn lửa ma trời,
120. Tiếng oan vắng vắng tới trời càng
 thương.
 Cũng có kẻ nhờ nhàng một tiết²⁸,
 Lúc tuổi xanh bán nguyệt buôn hoa.
 Nào ngờ khi trở về già,
 Không chồng nổi ấy biết là cậy ai.
125. Sống đã chịu mĩa mai phiền não,
 Thác lại nhờ hóp cháo lá đa.
 Nào nùng thay số đào hoa,
 Kiếp đầy ra thế biết là vì đâu.
 Cũng có kẻ nằm cầu gối đất²⁹,
130. Vì cơ hàn hành khát mọi nơi.
 Thương thay cũng một kiếp người,
 Sống nhờ hàng xứ thác vui đường quan.
 Cũng có kẻ mắc oan tù rạc,
 Gửi mình vào chiếu lác một manh.
135. Nắm xương chen lấp góc thành,
 Bao giờ giải được oan tình ấy đi. [52]
 Cũng có đứa cô nhi tấm bé³⁰,

Mới sinh ra lia mẹ lia cha.
 Nào ai bú mớm đầy mà,
140. U ơ tiếng khóc sót xa nảo nùng.
 Cũng có kẻ bỗng không lời đánh,
 Lại có người vì ngã cành cây.
 Có người sa giếng bột dây,
 Người trôi suối lũ người lây lửa thành.
145. Người thì mắc sơn tinh thủy thú,
 Cùng độc sà vuốt hổ ngà voi.
 Có người thuốc sái mê chơi,
 Đa mang nghiện ngập của trời phá tan.
 Sau gặp buổi vô nhan mới tỉnh,
150. Phút đăng tiên khôn lánh lưới trời.
 Có người có đẻ không nuôi,
 Kẻ vì tiểu sản mệnh người lâm nguy.
 Mắc phải lúc đường đi nhờ bước³¹,
 Cầu Nại Hà kẻ trước người sau.
155. Mỗi người một nghiệp khác nhau,
 Hồn phiêu phách lạc biết đâu bây giờ.
 Hoặc là ẩn ven bờ cạnh lối,
 Hoặc là nương đầu núi bên sông.
 Hoặc là mông quanh đồng không,
160. Hoặc nay viễn tái thú [53] cùng
 diêm lư.
 Hoặc là tựa thần từ Phật tự,
 Hoặc là nương ngọn cỏ bóng cây.
 Khi cầu nọ lúc quán ni,
 Chợ quê mỗi chốn thân ngày ủ ê.
165. Mấy thu chịu nhiều bề sàu khổ,
 Ruột héo khô họng nhỏ như châm.
 Dãi dầu biết mấy trăm năm,
 Thở than dưới đất ăn nằm trên sương.
 Nghe gà gáy tìm đường lánh ản,
170. Lặn mặt trời lẩn thần tìm ra.
 Lôi thôi ẵm trẻ dất già,
 Nghe lời triệu thỉnh lại mà chứng minh.
 Ôn chừ Phật thù tình cứu khổ,
 Tiếp dẫn về tịnh độ ngao du.

175. Còn trong tứ đại bộ châu,
Phiền não chút sạch oán thù rửa không.
Nhờ Phật pháp linh thông quảng đại,
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao.
Tự ti kíp đến ngôi cao,

180. Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.
Nhờ Phật được siêu sinh cõi tịnh,
Mới biết rằng vạn cảnh giai không.
Dám khuyên lấy Phật làm lòng,

Tự nhiên siêu thoát khỏi [54] trong luân hồi.

185. Đàn chẵn tể vâng lời di giáo,
Vật có khi bát cháo nén hương.
Gọi là manh áo thời vàng,
Giúp cho làm của ăn đường sinh thiên.
Đã đến đây dưới trên ngồi lại,

190. Chứng lòng thành chớ ngại bao nhiêu.
Phép thiêng biến ít thành nhiều,
Nhờ thầy Tôn Giả chia đều phân minh.
Quả vô sinh khuyên ai tảo chứng,
Giong buồm từ bãi ngạn đồng đăng.

195. Nam mô Phật, Nam mô Pháp,
Nam mô Tăng.

Phổ nguyện nhất thiết siêu thăng bảo đài.
Lại có bài kệ than rằng:
Hàn lâm là chốn tối dầm dề,
Khổ não lòng kia trải mấy năm.

200. Thơ thần gió trắng hương khói vắng,
Ngậm ngùi hoa cỏ khóc than thầm.
Bữa nay may gặp đường phương tiện,
Lũ chúng mừng qua cõi tối tăm [55].
Gang tấc thiên đường xa mấy bước,

205. Thanh thoi thoát khỏi chốn hàn lâm³². (thứ bạch tam quy)

Tự quy chung Phật, nguyện cho chúng sinh, lâu thông đạo cả, mở lòng vô thượng bồ đề.

Tự quy chung Pháp, nguyện cho chúng sinh, tường tỏ nghĩa màu, trí tuệ rộng sâu như bể.

Tự quy chung Tăng, nguyện cho chúng sinh thông lý trong chúng, nhất thiết không ngần ngại vậy³³.

Khí thi chi sở viết hàn lâm. Hựu phụ tán Bát Nhã tâm kinh kệ nhất luật hành thâm Bát Nhã Ba La Mật; chiếu kiến bản lai vô nhất vật. Sắc tức thị không không thị sắc; dĩ vô sở đắc cố đắc Phật.

210. Nam mô Quán tự tại vân vân ...

Ứng phó dư biên tổng tập hoàn.

(Nguyên bản chữ Nôm xem phụ lục, 7 trang)

Kết luận

Như vậy, *Thỉnh âm hồn văn dụng quốc âm* viết bằng chữ Nôm do Thiền sư Chính Đại biên tập năm 1895, dựa trên bản lưu truyền trong nhân dân; còn VTTLCS, *Văn chiêu hồn* hay *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* cho là tương truyền của Nguyễn Du cần được tiếp tục tra tìm trong kho sách Hán Nôm. Đây là một bài văn cúng cô hồn viết bằng chữ Nôm, để cho các cô hồn siêu thoát khỏi ba đường ác, được ăn uống tránh đói khổ, siêu sinh lên cõi trời thanh tịnh, lạc đạo. Thờ cúng chúng sinh cô hồn là một hiện tượng tín ngưỡng Phật giáo và tín ngưỡng dân gian phổ biến trong cộng đồng người Việt, đây là một tập tục thể hiện tính nhân văn trong văn hóa Việt Nam. Bài văn có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân và nhà chùa khi cúng cô hồn thường nhật, nhất là dịp tháng bảy âm lịch hàng năm. Thông qua việc cúng cô hồn chúng sinh, đạo Phật đã tạo nên một niềm tin nhân quả, với ý thức giáo dục con người, mọi tầng lớp trong xã hội; tạo nên một sức mạnh tinh thần, vượt qua khổ ải, những khó khăn trắc trở trong cuộc sống, hướng tới một lý tưởng sống tốt đẹp. Tình thương và lòng nhân ái, sẽ giúp mọi người bỏ những thói xấu, những xung đột, để sống tốt đời đẹp đạo. Bài văn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc,

thể hiện tinh thần nhân đạo và giáo dục hướng thiện, có ý nghĩa sâu sắc đối với văn hóa xã hội./.*

N.V.T

Chú thích và tài liệu tham khảo

*Bài viết hoàn thành dưới sự giúp đỡ của PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh và CN. Nguyễn Văn Thanh, tác giả xin chân thành cảm ơn.

1. *Từ điển Văn học* (bộ mới), NXB. Thế giới, 2004, tr.1972.
2. Tam ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.
3. Lê Thuộc (1924), *Truyện cụ Nguyễn Du*, Nhà in Mạc Đình Chi, Hà Nội.
4. Nguyễn Du, *Chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Thượng tọa Thích Tâm Châu đề tựa, Đàm Quang Thiện hiệu chú (1965), Nam Chi Tùng thư xuất bản, Sài gòn.
5. Xuân Diệu (1965), “Độc Văn chiêu hồn của Nguyễn Du”, *Tạp chí Văn học*, (số 11), tr.35-47.
6. Hoàng Xuân Hãn (1977), “Lễ vu lan với văn tế cô hồn”, *Tạp chí Văn học*, (số 2), tr.116-145.
7. Vũ Văn Kính (1978), “Mấy ý kiến về việc hiệu đính Văn tế thập loại chúng sinh”, *Tạp chí Văn học*, (số 4), tr.55-tr63.
8. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Nửa đầu thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX* (1978), NXB. Văn học, Hà Nội.
9. Chỉ những câu lược bỏ, không trích dẫn.
10. Nguyễn Lộc (2001), *Văn học Việt Nam* (Nửa cuối thế kỷ XVIII - Hết thế kỷ XIX), NXB. Giáo dục, 2001 (tái bản lần thứ 4), tr.467-474.
11. *Từ điển Văn học* (bộ mới) (2004), NXB. Thế giới, Hà Nội, tr.1972-1973.
12. Phạm Tuấn (2006), “Nguyễn Du và Văn tế thập loại chúng sinh trong tương quan văn hóa Phật giáo”, *Tạp chí Hán Nôm*, (số 2), tr. 50-57.
13. Phạm Tuấn (2006), tlđd, *Tạp chí Hán Nôm*, (số 2), tr. 50-57.
14. Hiện ở số 49, phố Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Chùa Diệc còn gọi là Diệc Cổ Tùng Lâm, hay Diệc Cổ tự.
15. *Nguyễn Du toàn tập* (Tập 1, 2015) do Mai Quốc Liên và Nguyễn Minh Hoàng biên khảo, NXB. Văn học, tr.246-253.

16. *Nguyễn Du toàn tập* (Tập 1) sđd, Nxb. Văn học, 2015, tr.254-271.
17. *Ứng phó dư biên tổng tập* 應赴餘編總集, 2 bản, AB.568 và AB.21.
18. *Cung văn tạp lục* 供文雜錄, A.1948/1-2.
19. *Nguyễn Du toàn tập* (Tập 1), sđd, tr.247.
20. Quí nữ liễu thân.
21. Tề thần thất thế.
22. Hiền nhân xưa của Trung Quốc.
23. Đại tướng bại trận
24. Tham giàu chết đường.
25. Tham danh chết quán.
26. Buồn bán chết xa.
27. Binh lính tử trận.
28. Kỹ nữ cô đơn.
29. Chết bởi nghèo nàn tai họa.
30. Hải nhi sơ sinh.
31. Cảnh lang thang cực khổ.
32. Nguyên chú: Khí thi chi sở viết hàn lâm (nơi bỏ xác gọi là hàn lâm).
33. Khi phiên âm, chúng tôi có tham khảo các bản phiên trước đây. Xin trân trọng cảm ơn!
34. Trịnh Khắc Mạnh (2014), *Văn bản học Hán Nôm*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Nguyễn Văn Tĩnh (2020), *Nghiên cứu nhóm văn bản "Thí thực cô hồn văn" lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm*, luận văn Thạc sĩ Hán Nôm, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Trần Nghĩa - François Gros đồng chủ biên (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, (3 tập), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Nguyễn Đông Triều (2017), *Thế loại văn tế trong văn học trung đại Việt Nam*, luận án Tiến sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
38. Ngô Gia Vĩ (1998), “Đặc trưng thể loại của văn tế”, *Tạp chí Hán Nôm*, (số 1), tr.14-tr.19.

PHỤ LỤC

Nguyên văn bản chữ Nôm trong *Ứng phó dư biên* ký hiệu AB.568 (tr.21a-27b)

欺社稷對移強慘切傷台盆把。怒辰將士擔當。畧翰哀
打樵雨打北課沙機。敗陣強傷。域諾安茹。欺者義料。輪
破脫貨。旗差劍擢。速愁滌隊。段慨忙。求眩辦。逐趕回
諾昧逾。台行洞也。江山箕別。余英雄。風土怒。是勢才。遠意
台虎咬蛇傷。烙磔磔射。吟冤空。几祭晚。朱油埃。認墓媽。
動嫩外內。別包饒。焘待雪霜。帶波連岸。計牢掣。全皮
貼个。意埃。遣甥齡。媽卒。義婦。軼俸。餘圭。意埃。女几。批
得南道。子堆塘。分我。傷台。災疫。勞刀。飢寒。必左。咄。安。猛。獸。帝

請陰魂受用國音 春雷寺新刊
曹勝浪。善惡黜。悉佛魔。恪價。死生有命。蚌止。能忍辱。慈悲
因果。隨臥。托朱沛。輪迴。勿題。連鉅。三寶。聖神。帶吏。請近
類孤寡。施主。禮禮。薄悉。誠潛。馨鑒。光臨。壇下。感恩。大
士。現身。如德。阿難。開化。船般。若哭。船道。福埃。有緣。迅速
邊。逆。對。慈悲。哭。對。度生。場上。善精。靈親。炙。箕。如玉。葉。金
枝。公卿。相佑。翻芒。坡埃。立規模。用武。用文。塵符。討。頭。皮
忠義。訖。悉。訖。胞。及。眼。桑。滄。变化。仍。蒼。芝。感。景。吟。噫。想

恤市牧事。輒如。學道。尋柴。渚。渚。悟。也。醜。汚。山野。憑埃。羣阻
准陰宮。能哭。色。蓮。塘。雲。駕。曷。因。設立。齋。筵。鋪。張。財。碼。寒
林曠野。召諸靈。市。當。地。糴。陰。界。陽。間。請。奇。汰。市。泥。涓。選
巴。為。塔。波。邊。丕。彷彿。頭。城。聲。帛。勸。進。類。滯。魄。幽。魂。及
一切。非。徒。惡。部。危。辰。媽。於。邊。右。甥。於。邊。左。糴。餅。酒。固。也。安
旺。調。窮。代。且。誦。真。言。也。變。鐵。鬚。念。祕。咒。空。麻。固。奇。庄。特。懺
煙。麻。爭。憫。意。駭。羣。貪。渚。特。安。也。飯。依。改。與。術。齡。鹹。喜
捨。修。因。證。果。糴。色。如。解。脫。冤。愆。接。引。蓮。船。般。若。尋

埃。挽。餅。壯。襖。讓。贈。坦。融。霜。帝。埃。救。符。靛。棘。也。沙。機。沛。娘
輪。准。恪。這。霜。冷。了。課。冬。長。汝。義。帝。別。改。身。兜。辰。氣。礮。泥
如。槐。瑣。衣。醴。澄。貼。鴈。落。彈。恤。竟。餒。梗。梧。用。莧。吏。傷。几
默。牢。囚。默。芒。胎。墮。沒。輪。業。咀。欺。臨。刑。也。几。味。噪。穀。餒。冤
家。欺。分。婉。空。歌。看。過。吟。噫。台。糴。庄。窖。修。邀。彥。黔。騰。賊。俸
化。傷。台。客。醴。江湖。得。奔。水。步。船。苦。潯。奇。丕。朱。賊。栖。諾。冷。汀
貼。重。身。輕。丕。朱。沛。圭。畧。報。拿。磊。務。生。賊。吝。磾。風。霜。吹。磯
餒。沛。渚。江。塘。埃。咳。喂。歌。唱。每。類。遊。遊。余。玃。塘。槐。爨。柳。慣

48
 腰靈點花狀異同類些沙機鍼沛枋麻傷心
 神長夜最心忤坦爽靈魂彷彿幽冥傷台十頰眾生
 魂單魄體冷丁圭點香魄色空尼娘孌魂蒲儂各侶
 脂顛羣之埃可埃憤羣之麻吟埃賢埃愚節初秋隨改
 躑埃超度落甘露密咒加持問伽佛慈悲解冤救苦
 搃術西方共固凡算塘僥倖志仍惻拈麵嫩滴割台當
 明爭雄帝卡執屈運穿麻疔倖兜矯翹塹瑣坤枕
 輪少珍匹夫奇霸昂礪怨聲茹鮮來朗昌枯也移圓

47
 衛尼埃淨持宜留德澤除災禦禍竟
 又國音文節胸點至况異陰七月用
 節胸點眉汗尿溪遜置校冷律昌枯惱濃台余朝秋岸
 華点莊跼梧用鑽塘白楊俸朝查真阮棠梨浴得涓
 沙悉節悉庄切他埃陽羣世况異埃陰拈香請孤魂
 諸位妙加持法器三通聖誠敬待壇中泣迺南北西東
 精魂兼上下乾坤良異祀共縶甥媽別包嘆浪坦曠忤
 高輶移物對別包饒吝待燭余涓春燦夏歛号共

50
 几親戚綴縷永尾別祀埃抗祭炤香孤魂佛仿他方礪冤
 坤罽等塘化生節仍躋排兵布陣卿令差領印元戎愈
 涓靈蜀同排屍閉戶少功沒戩欺失勢焰墮碑落埃
 沙場胎涅弗濡巴爲塔波边忤捺昌無主別陵准節忤幽
 鬱涓喬愈切氣陰汚霹靂耀萎暮醉霜雪待燭節
 兜吊祭節兜蒸嘗共固凡等唐致富少罪輪忍肝扒咬
 脾脚空几至親酒少賊女抵分朱埃欺齟齬空得喂喙貼
 浮雲晒固如空雖浪錢止泊淵欺珍呂特汝同市移哭

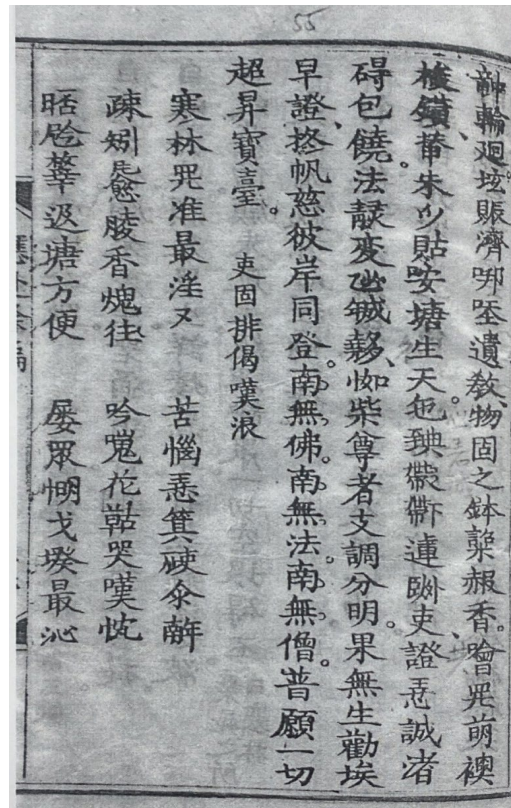
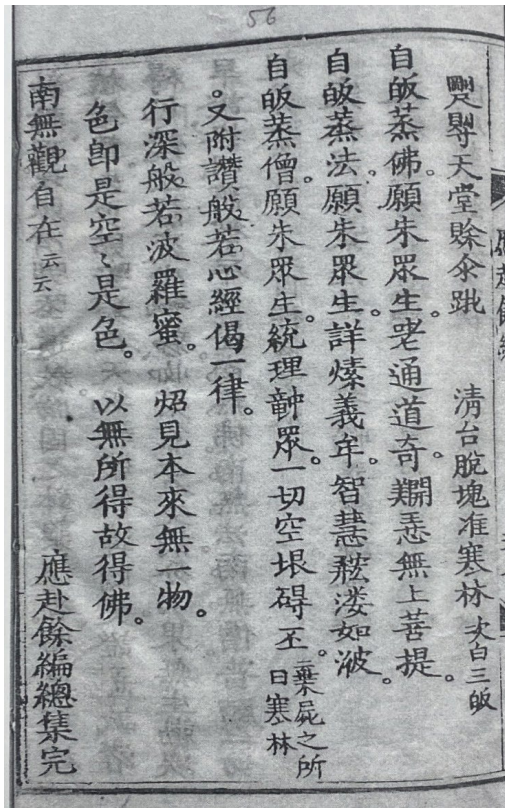
49
 無祀洛類天汰鬼空頭憐伏知誅前能成聚異机麻孤魂
 別包徠朱散市仍婀娜蘭帳蕙仍惺輪宮桂嫦娥返番
 台封山河身如猛莫別哭少牢連樓高帶涓涓分色
 惺簪故屏夷欺鞠冬燭猛琪麻欺眈眈空戩扣昌疔
 疽罽空香空壞魂痕魚櫻杖頽慘傷台真要晒殺強
 齟強燐強強戩節仍躋帽帶襖辯阮筆批托駐連晒
 經綸揭沒曠芒色暗管葛吏得伊周盛滿夥怨聲強夥
 暮類魔侵控終鮐軒鑽坤贖特輪樓歌院唱散情羣兜

52
固凡殃例廊給傷補朝茹移梗役官浩瓢餅捻根淮待
烟閉裏淋炭沒茂欺臨陣身臥如茗分色亭礮落楚陳
立爆荒炤魔麟省冤冰咏最至感傷共固凡汝蒙沒節
眩歲撐半月奔花市与欺阻街縫空鼓餒意別哭悵
魁色韶難枚煩惱托吏慨答繫莫多惱濃台效桃花劫
苔墨世別哭爲兜共固凡靦樣增坦爲飢寒行乞每厄
傷台袂沒劫景壯慨行處托陪瘡官共固凡默冤因改
身然詔落沒萌檢昌拊拉塔城包暴解特冤情意移

51
魔搜傷之行箴幽枯多柿瘡透骷矧疎躡滑同占春秋
享祀別尋飲兜共固凡恤求符貴振翰包城市繁花余
秋寄朝商茹文章也戕兜哭致身准行館濟旬涓爆
婦混市餒晨京堪倍鑽殮神梅迎伴笑天下朗望得
蠅俸桑梓賒澄卿曲堪沙魔凡育得昂孤魂慨改他鄉
帶膝烤吃篆香冷弄共固凡戈淹越激更帆陵戲廳東
返干膝膝神洞脫身埋沒色悉鯨鯨共固凡針芸奔半
施梗笱旭間連離返干爆吃涓漢市子旅次賒制瀝鐸

54
旁閭間或哭游神祠佛寺或哭娘阮韓俸樣欺樣怒
館尼帶圭每准偷得塢啞余秋窈窕皮愁苦肆烤枯吼
犯如釗待烟別余暮辭咀嘆帶坦安靦連霜暇鴉既尋
塘另隱各栖厓憐矧尋墨雷催掩祀攢襟暇亟召請吏
麻謚明恩諸佛垂情救苦接引街淨土邀遊羣龍四大
部洲煩惱摔涎怨答浴空如佛法靈通廣大神威迷樞
醒占包自卑及璵璣鬼高媽嫫嫫裊調包暇經慨佛特超
生溪淨買別浪萬境皆空監勸祀佛少惡自然超脫塊

53
共固孩孤兒心憫買生墨商嫖商叱市埃啼啜散麻
幽於皆哭恤車惱濃共固凡俸空雷打吏固歌爲我梗
樓固歌沙畔北絃歌瀟灑潑歌來炤城歌辰默山精水獸
穿毒蛇醉虎猱爲固歌縹緲迷制多芒嘯皮貼歪破
敬斃及眼無顏買醒人登仙坤另經歪固歌固瘡空餒
几爲小產命歌臨危默沛狀塘移汝跳抹李河几螺得
姜每得沒業恪饒魂魄落魄落別兜悲暴或哭隱隱坡
競爆或哭娘頭內边淹或哭蒙負同空或厄達塞超



HỢP THƯ BẠN ĐỌC

Trong thời gian gần đây *Tạp chí Hán Nôm* đã nhận được bài của các tác giả:

Trịnh Ngọc Ánh, Lê Văn Ất, Nguyễn Khắc Bảo, Nguyễn Thụy Thùy Dương, Phạm Minh Đức, Phạm Hoàng Giang, Lê Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Văn Hoài, Ngô Thị Lan, Trần Xuân Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hoa Lê, Phạm Vũ Lộc, Nguyễn Văn Ngoạn, Tạ Duy Phượng, Thích Thanh Tân, Lê Thời Tân, Ngô Bảo Tín, Nguyễn Văn Tĩnh, Nguyễn Đức Toàn, Đinh Khắc Thuân, Nguyễn Văn Tuấn, Trầm Thanh Tuấn, Vũ Anh Tuấn, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đông Triều, Trần Văn Trọng, Dương Thị Hải Vân, Phạm Thị Thùy Vinh.

Tạp chí Hán Nôm xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của Quý vị.

TCHN